

Số: /BC-SNN

Bắc Kạn, ngày tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO THUYẾT MINH

Hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2025

I. CĂN CỨ BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ pháp lý

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

- Thực hiện Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

- Căn cứ Quyết định 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025;

- Công văn số 109/HĐND-VP ngày 10/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc cho ý kiến với Công văn số 3646 và 3671/UBND-NNTNMT ngày 10/6/2022 của UBND tỉnh;

- Văn bản số 3672/UBND-NNTNMT ngày 10/6/2022 của UBND tỉnh về việc chuẩn bị hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

- Báo cáo thẩm định số 158/BCTĐ-STP ngày 29/6/2022 của Sở Tư pháp dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2025;

- Văn bản số 1592/MTTQ-BTT ngày 30/6/2022 của Ban Thường vụ Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh về việc tham gia phản biện đối với dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2025;

2. Căn cứ thực tiễn

2.1. Kết quả và đánh giá thực tế thực hiện Nghị quyết 17/2018/NQ-HĐND ngày 09/12/2018 và Nghị quyết 11/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh:

Trong những năm qua, bám sát Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND ngày 09/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ xây dựng công trình hạ tầng nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn đến năm 2020 và Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi một số nội dung của Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND ngày 09/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ xây dựng công trình hạ tầng nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn đến năm 2020, các địa phương đã chủ động thực hiện đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng, tập trung đẩy nhanh tiến độ hoàn thành và đưa công trình vào phục vụ đời sống của người dân nông thôn. Qua đó, tạo bộ mặt mới cho vùng nông thôn và thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh; tăng mức hưởng thụ trực tiếp cho người dân nông thôn.

Sau hơn 03 năm triển khai thực hiện Nghị quyết, thông qua nhiều hình thức tuyên truyền, phổ biến như lồng ghép trong các buổi giao ban, sinh hoạt đoàn thể, họp thôn, phát động các cuộc vận động “Bắc Kạn chung sức xây dựng nông thôn mới”, “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”... đã tạo được sự thống nhất, đồng thuận từ các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể đến mọi tầng lớp nhân dân trong xây dựng nông thôn mới góp phần quan trọng trong việc huy động nguồn lực thực hiện xây dựng nông thôn mới ở các địa phương trên địa bàn tỉnh.

2.2. Việc thực hiện các nguyên tắc hỗ trợ theo Nghị quyết:

Việc hỗ trợ xây dựng công trình thực hiện theo kế hoạch hàng năm đều được UBND các huyện, thành phố phê duyệt đối với danh mục cụ thể của các xã, trong đó ưu tiên phân bổ vốn đầu tư hỗ trợ cho các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới trong năm theo giai đoạn.

Nguyên tắc hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới từ nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương phân bổ cho các xã được tập trung thực hiện theo đúng các nội dung hỗ trợ quy định tại Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND ngày 09/12/2018 và Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh.

Danh mục dự án thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018-2020 được UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư, nội dung danh mục dự án và cơ cấu nguồn vốn đã bám sát những quy định của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 và theo Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND ngày 09/12/2018 và Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh sửa đổi một số nội dung của Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND ngày 09/12/2018 của HĐND tỉnh. Mức đóng góp tự nguyện cơ bản đều do người dân tự bàn bạc, thống nhất cho từng công trình, thông qua các hình thức như ngày công lao động, đóng góp bằng tiền mặt, hiến đất, vật tư để xây dựng công trình.

2.3. Kết quả thực hiện các nội dung hỗ trợ:

a) Kế hoạch phân bổ nguồn vốn:

Nguồn vốn	Phân bổ theo năm (triệu đồng)			Cộng
	2018	2019	2020	
Vốn đầu tư phát triển (ngân sách Trung ương)	110.900	158.200	343.500	612.600
Vốn sự nghiệp (ngân sách Trung ương)	41.800	57.000	91.100	189.900
Ngân sách địa phương	51.062	32.807	33.690	117.559
Vốn lồng ghép	58.007	122.805	46.102	226.914
Vốn huy động	43.662	37.043	90.643	171.348
Tổng	305.431	407.855	605.035	1.318.321

b) Tổng nguồn vốn thực hiện:

Nguồn vốn	Phân bổ theo năm (triệu đồng)			Cộng
	2018	2019	2020	
Vốn đầu tư	96.452	148.088	339.553	584.093
Vốn sự nghiệp	38.166	40.662	85.743	164.571
Ngân sách địa phương	51.062	32.807	33.690	117.559
Vốn lồng ghép	50.450	114.955	45.572	210.978
Vốn huy động	37.974	34.675	89.601	162.250
Tổng	274.104	371.188	594.160	1.239.451

- Tổng nguồn vốn thực hiện xây dựng công trình hạ tầng nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn theo nghị quyết là 746.343 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 584.093 triệu đồng, chiếm 78,3%.

+ Nguồn huy động (Doanh nghiệp, người dân đóng góp) 162.250 triệu đồng chiếm 21,7%.

- Tổng nguồn vốn sự nghiệp kinh tế Trung ương phân bổ 164.571 triệu đồng, vốn ngân sách địa phương phân thực hiện 117.559 triệu đồng.

Giai đoạn 2016-2020, quá trình phân bổ, giao kế hoạch vốn của Trung ương cho địa phương không đồng đều giữa các năm, tập trung nguồn vốn vào năm 2020

nên việc phân bổ nguồn lực thực hiện các mục tiêu những năm đầu giai đoạn của tỉnh gặp khó khăn; việc huy động người dân tham gia đóng góp vào năm 2020 rất lớn, gây áp lực huy động nhân dân tham gia đóng góp.

** Kết quả thực hiện các nội dung hỗ trợ từ nguồn vốn đầu tư phát triển*

Tổng số công trình hạ tầng nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới thực hiện theo Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2018 đến năm 2020 là 1.314 công trình, cụ thể:

Công trình	Số lượng			Cộng
	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	
Công trình giao thông	141	217	427	785
Kiên cố hóa kênh mương	43	36	129	208
Trường học	02	09	10	21
Cơ sở vật chất văn hóa	91	05	131	227
Công trình cấp nước sinh hoạt	01	57	02	60
Trạm y tế xã			01	1
Công trình thoát nước thải khu dân cư			12	12
Cộng	279	324	712	1.314

** Kết quả thực hiện các nội dung hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp*

Năm 2018: Nguồn vốn sự nghiệp được Trung ương phân bổ là 41.800 triệu đồng, UBND tỉnh phân bổ cho các đơn vị và UBND các huyện, thành phố thực hiện hỗ trợ các nội dung: Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; tập huấn; tuyên truyền; hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn; hỗ trợ phát triển giáo dục nông thôn; bồi dưỡng cán bộ, công chức xã; hỗ trợ phát triển hợp tác xã; đào tạo nghề cho lao động nông thôn; xử lý, cải thiện môi trường nông thôn,....

- Kết quả thực hiện nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất: UBND tỉnh phân bổ 23.200 triệu đồng từ nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới để tập trung ưu tiên hỗ trợ cho 26 xã trong lộ trình đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 (theo Quyết định số 1239/QĐ-UBND ngày 09/8/2017) và 02 xã Dương Phong huyện Bạch Thông, xã Hương Nê huyện Ngân Sơn thực hiện được 6 dự án củng cố, nâng cấp chuỗi giá trị đã có; 8 dự án xây dựng chuỗi giá trị mới; 71 mô hình (trong đó, có 45 mô hình thuộc lĩnh vực trồng trọt, 23 mô hình lĩnh vực chăn nuôi, 3 mô hình lĩnh vực nuôi trồng thủy sản) và thực hiện nội dung hỗ trợ trực tiếp như hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư, hỗ trợ mua máy móc thiết bị cho hộ dân, hợp tác xã, tổ hợp tác. Các dự án, mô hình đều có liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm, bước đầu đã đạt được hiệu quả kinh tế nhất định.

- Công tác khuyến nông và chuyên gia tiên bộ kỹ thuật: Tổ chức triển khai được 07 mô hình trình diễn và thử nghiệm; xuất bản và phát hành được 04 số tờ tin Khuyến nông Bắc Kạn phản ánh tin tức, các hoạt động của ngành nông nghiệp, chương trình nông thôn mới với 2.000 cuốn gửi trên 400 địa chỉ trong và ngoài

tình. Tổ chức tập huấn 136 lớp cho 4.049 hộ nông dân tham gia về kỹ thuật trồng rừng, kỹ thuật nuôi trồng thủy sản, quản lý dịch hại trên cây lúa, cam, quýt, hồng không hạt; kỹ thuật canh tác lúa cải tiến (SRI); sử dụng thuốc bảo vệ thực vật an toàn, hiệu quả; kỹ thuật trồng và chăm sóc dưa lê, dưa hấu.

- Công tác đào tạo nghề lao động cho nông thôn được tỉnh quan tâm triển khai thực hiện. UBND tỉnh phân bổ 6.605 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giao Sở Lao động, Thương binh và Xã hội và Sở Nông nghiệp và PTNT triển khai thực hiện các nội dung (*tổ chức các lớp đào tạo tạo nghề nông nghiệp, phi nông nghiệp cho 1.966 người; tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, nhà giáo giáo dục nghề nghiệp cho 100 người; tổ chức tuyên truyền về đào tạo nghề, tạo việc làm đối với lao động nông thôn, người khuyết tật, lao động nữ cho 480 người; kiểm tra, giám sát, đánh giá 60 điểm tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp; xây dựng 4 bộ chương trình đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng cho lao động nông thôn*) và giao cho UBND các huyện, thành phố kiểm tra, giám sát, đánh giá tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Năm 2019: Nguồn vốn sự nghiệp được Trung ương phân bổ là 57.000 triệu đồng, UBND tỉnh phân bổ cho các đơn vị và UBND các huyện, thành phố thực hiện hỗ trợ các nội dung: thực hiện dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; chương trình mỗi xã phường một sản phẩm; tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ xây dựng nông thôn mới; truyền thông về xây dựng nông thôn mới; hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn; hỗ trợ phát triển giáo dục nông thôn; bồi dưỡng cán bộ, công chức xã; hỗ trợ phát triển hợp tác xã; đào tạo nghề cho lao động nông thôn; hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở; giữ gìn an ninh trật tự nông thôn; xử lý cải thiện môi trường nông thôn; kinh phí quản lý chương trình; hỗ trợ kinh phí xét nghiệm mẫu nước sạch, phục vụ đánh giá chỉ tiêu tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy định thuộc tiêu chí số 17 môi trường và an toàn thực phẩm; hỗ trợ xây dựng nông thôn mới nâng cao; thực hiện Đề án phát triển 15.000 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả đến năm 2020.

- Kết quả thực hiện nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: UBND tỉnh phân bổ 26.492 triệu đồng thực hiện 76 danh mục dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm, kết quả: đã triển khai thực hiện 37 dự án, 39 dự án không thực hiện được do tiến độ triển khai chậm, dịch tả lợn châu phi phải điều chỉnh sang dự án khác dẫn đến một số dự án quá thời vụ, một số dự án không tuyển chọn được chủ trì dự án thực hiện, số kinh phí giải ngân thấp (*trong đó có huyện Ngân Sơn, Ba Bể, Pác Nặm không triển khai được nguồn vốn sự nghiệp phân bổ thực hiện dự án PTSX theo chuỗi giá trị*).

- Công tác khuyến nông và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật: Năm 2019 tổ chức triển khai được 07 mô hình trình diễn và thử nghiệm. Xuất bản và phát hành 04 số tờ tin Khuyến nông Bắc Kạn với 400 cuốn gửi trên 200 địa chỉ trong và ngoài tỉnh

theo đúng trình tự thời gian quy định, đảm bảo chất lượng, yêu cầu đề ra, hình thức ngày càng phong phú, đa dạng, phản ánh nổi bật các hoạt động của ngành. Tổ chức tập huấn 78 lớp cho 2.356 hộ nông dân tham gia, bằng 58% so với cùng kỳ năm 2018 với các nội dung về triển khai văn bản quản lý; kỹ thuật trồng rừng, nuôi trồng thủy sản, trồng cây dong riềng, cây gừng, cây bí xanh, cây cam quýt, hiểu biết về thuốc bảo vệ thực vật,...

- Công tác đào tạo nghề lao động cho nông thôn được tỉnh quan tâm triển khai thực hiện. UBND tỉnh phân bổ 12.890 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giao Sở Lao động, Thương binh và Xã hội và Sở Nông nghiệp và PTNT triển khai thực hiện các nội dung: Tổ chức các lớp đào tạo nghề nông nghiệp, phi nông nghiệp cho 1.717 người; tổ chức bồi dưỡng, phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, người dạy nghề cho 50 nhà giáo giáo dục nghề nghiệp; xây dựng 03 bộ chương trình, giáo trình sơ cấp và dưới 3 tháng; tổ chức tuyên truyền về đào tạo nghề, tạo việc làm đối với lao động nông thôn, người khuyết tật, lao động nữ cho 500 người; kiểm tra, giám sát, đánh giá 60 điểm tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp.

Năm 2020: Tổng vốn sự nghiệp Trung ương giao 91.100 triệu đồng, UBND tỉnh phân bổ cho các đơn vị và UBND các huyện, thành phố thực hiện.

- Kết quả thực hiện dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: UBND tỉnh phân bổ 19.698 triệu đồng cho UBND các huyện, thành phố thực hiện 59 dự án; hỗ trợ xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã đạt chuẩn nông thôn mới, thôn đạt chuẩn nông thôn mới; các xã đã thực hiện 81 dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm.

- Công tác khuyến nông và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật: Tổ chức triển khai 14 dự án, mô hình trình diễn thử nghiệm. Tổ chức tập huấn 47 lớp cho 1.013 hộ nông dân tham gia với các nội dung về kỹ thuật trồng rừng, nuôi trồng thủy sản, hiểu biết về thuốc bảo vệ thực vật,...

- Công tác đào tạo nghề lao động cho nông thôn: Từ nguồn vốn của Chương trình xây dựng nông thôn mới UBND tỉnh phân bổ 16.000 triệu đồng để tổ chức 73 lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn, với 2.061 học viên; xây dựng 05 bộ chương trình, giáo trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn; bồi dưỡng nghiệp vụ tư vấn đào tạo nghề, tư vấn việc làm cho lao động nông thôn; bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dạy trình độ sơ cấp cho 40 nhà giáo giáo dục nghề nghiệp; kiểm tra, giám sát đánh giá đào tạo nghề cho lao động nông thôn được 24 lượt; hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện vận chuyển phục vụ đào tạo lưu động cho 4 trung tâm GDNN-GDTX (các huyện: Bạch Thông, Chợ Đồn, Na Rì, Ngân Sơn).

* Đánh giá chung:

Mặc dù trong điều kiện tỉnh còn gặp nhiều khó khăn, nguồn lực hạn chế, nhưng với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, các ban, ngành, các tổ chức chính

chị - xã hội; cùng với sự nỗ lực của Ban Chỉ đạo các cấp, Ban quản lý các Chương trình MTQG cấp xã nên tỉnh đã thực hiện cơ bản hoàn thành mục tiêu Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đã đề ra. Đến hết năm 2020 trên địa bàn tỉnh có 15 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, 02 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, thành phố Bắc Kạn đã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, không còn xã đạt dưới 05 tiêu chí, bình quân tiêu chí cả tỉnh đạt 12,25 tiêu chí/xã (tăng 1,45 tiêu chí so với cuối năm 2018).

Việc xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu cùng với các chính sách hỗ trợ khác của chương trình đã đem lại một số kết quả nhất định, góp phần tạo diện mạo mới cho nông thôn, phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân. Hệ thống giao thông nông thôn phát triển rộng khắp đã tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa – xã hội ở địa phương, các công trình cấp nước sinh hoạt đã giúp nhân dân vùng sâu, vùng xa được sử dụng nước hợp vệ sinh, giúp người dân an tâm sản xuất, phát triển kinh tế, ổn định đời sống.

Kết quả xây dựng nông thôn mới mặc dù có những chuyển biến tích cực nhưng nhiều địa phương còn khó khăn, đặc biệt là các xã ở vùng đặc biệt khó khăn, xã thuộc huyện nghèo việc triển khai xây dựng nông thôn mới còn nhiều hạn chế, có sự chênh lệch so với các xã có điều kiện thuận lợi hơn. Nhu cầu xây dựng nông thôn mới của các xã trong tỉnh là rất lớn, đặc biệt là cơ sở hạ tầng nhưng khả năng huy động nguồn lực còn hạn chế, nguồn lực thực hiện chương trình MTQG chủ yếu là ngân sách Trung ương; việc huy động các nguồn lực ngoài nguồn ngân sách nhà nước rất khó khăn, đóng góp của người dân chủ yếu là hiến đất và ngày công lao động cho các công trình có tính chất kỹ thuật giản đơn. Ngoài ra, do quá trình phân bổ, giao kế hoạch vốn của Trung ương cho địa phương không đồng đều giữa các năm, tập trung nguồn vốn chủ yếu vào năm cuối giai đoạn cũng làm ảnh hưởng đến sức đóng góp của người dân.

Thực hiện Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND ngày 09/12/2018 của HĐND tỉnh (sửa đổi tại Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày quy định mức hỗ trợ xây dựng công trình hạ tầng nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2020, trong đó quy định cơ cấu nguồn vốn thực hiện giữa nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn vốn huy động của nhân dân; người dân trên địa bàn tỉnh đã nhiệt tình tham gia đóng góp xây dựng chương trình cơ bản đạt theo nghị quyết đề ra. Còn một số hạng mục khó khăn trong triển khai huy động góp vốn như mức hỗ trợ xây dựng đường ngõ, xóm, nhà văn hóa thôn, sân thể thao thôn đối với các huyện không phải huyện nghèo ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 50%, vốn huy động khác tối thiểu 50% (nhà văn hóa thôn quy mô 50 chỗ ngồi, 80 chỗ ngồi), trên thực tế có trường hợp những thôn có số hộ dân đông cần xây dựng nhà văn hóa thôn trên 100 chỗ ngồi rất khó thực hiện vì phải huy động nhân dân đóng góp ở mức độ cao hơn. Mức hỗ trợ xây dựng nhà văn hóa xã, hạng mục chợ chính của chợ nông thôn, trường học, trạm y tế trong thực tế huy động đóng góp từ các nguồn khác rất hạn chế, các công trình này người dân không thể đóng góp công lao động, vì vậy khả năng đóng góp của người dân thấp..

Nhìn chung, công tác phát triển sản xuất, tổ chức sản xuất, đào tạo nghề lao động nông thôn, chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân đã đạt nhiều kết quả. Tuy nhiên, thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất theo Quyết định số 4781/QĐ-BNN-VPĐP của Bộ Nông nghiệp và PTNT còn nhiều bất cập: Quy trình, thủ tục triển khai thực hiện dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị phức tạp, đặc biệt là quy trình chào hàng cạnh tranh trên mạng đấu thầu quốc gia (trong khi năng lực mời thầu của chủ đầu tư còn hạn chế, phải phụ thuộc vào các đơn vị tư vấn), dẫn đến trường hợp khi lựa chọn được nhà thầu thì đã quá thời vụ sản xuất của sản phẩm liên kết; đa số dự án phát triển sản xuất có quy mô nhỏ nên việc hợp đồng liên kết tiêu thụ sản phẩm gặp nhiều khó khăn. Việc hợp đồng tiêu thụ đối với các sản phẩm của dự án có đối tượng sản xuất là cây lâu năm như cây ăn quả, trâu, bò... thường sau 3-4 năm mới có sản phẩm thu hoạch thì việc ký hợp đồng tiêu thụ khi mới lập dự án sản xuất gặp rất nhiều trở ngại, rất khó tìm ra đơn vị bao tiêu sản phẩm... do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, dịch tả lợn Châu Phi, viêm da nổi cục ở trâu bò... gây thiệt hại lớn về kinh tế và phát triển nông, lâm nghiệp; thời tiết diễn biến phức tạp đã xảy ra các đợt mưa đá, mưa to kèm theo tố lốc trên diện rộng gây ảnh hưởng trực tiếp đến tiêu chí thu nhập và hộ nghèo.

Ngoài ra, các xã dự kiến đạt chuẩn nông thôn mới trong năm sẽ được tập trung đầu tư vì vậy nguồn lực huy động từ nhân dân lại càng lớn, trong khi đời sống của người dân còn nhiều khó khăn.

II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM

1. Mục tiêu

Mục tiêu chung: Xây dựng Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2025 cho phù hợp với cơ sở pháp lý để xây dựng văn bản quy phạm pháp luật nhằm cụ thể hóa cơ chế hỗ trợ cho từng nội dung, công việc cụ thể và thống nhất thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Mục tiêu cụ thể: Phấn đấu đến năm 2025 cả tỉnh có 2 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới; có trên 47,9% tổng số xã (46/96 xã) đạt chuẩn nông thôn mới (tăng thêm 25 xã), trong đó có trên 15 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (tăng thêm 13 xã), 6 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; bình quân tiêu chí đạt trên 15 tiêu chí/xã; tiếp tục xây dựng nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu đối với các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; thu nhập bình quân của người dân nông thôn tăng ít nhất 1,5 lần so với năm 2020.

2. Quan điểm

- Các quy định về mức hỗ trợ của sau khi ban hành là căn cứ, giải pháp quan trọng để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, hoàn thành mục tiêu theo Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị

quyết số 23-NQ/TU ngày 16/12/2021 của Tỉnh ủy về lãnh đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch và lộ trình của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

- Đảm bảo tính công bằng, công khai, minh bạch trong việc phân bổ nguồn lực trong việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Chú trọng các xã còn nhiều khó khăn, các xã trong lộ trình đạt chuẩn nông thôn mới theo từng năm, từng giai đoạn.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Căn cứ Nghị quyết số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét thông qua Nghị quyết quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho các nội dung, công việc hỗ trợ cho huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới và các xã thực hiện nông thôn mới. Quá trình triển khai, thực hiện như sau:

- Ngày 06/6/2022, Sở Nông nghiệp và PTNT tổ chức cuộc họp thống nhất nội dung, mức hỗ trợ xây dựng công trình hạ tầng nông thôn cho xã, huyện thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Nội dung thống nhất cuộc họp được nêu tại Thông báo số 38/TB-SNN ngày 07/6/2022;

- Ngày 08/6/2022, Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành Văn bản số 1145/SNN-KHTC xin chủ trương xây dựng Nghị quyết quy định mức hỗ trợ xây dựng công trình hạ tầng nông thôn thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới theo trình tự thủ tục rút gọn;

- Ngày 10/6/2020, UBND tỉnh có Văn bản số 3646 và 3671/UBND-NNTNMT gửi Thường trực HĐND tỉnh xin chủ trương xây dựng Nghị quyết quy định mức hỗ trợ xây dựng công trình hạ tầng nông thôn thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới theo trình tự thủ tục rút gọn;

- Ngày 10/6/2020, HĐND tỉnh ban hành Văn bản số 109/HĐND-VP về việc cho ý kiến đối với Công văn số 3646 và 3671/UBND-NNTNMT ngày 10/6/2022 của UBND tỉnh ; theo đó, Thường trực HĐND tỉnh nhất trí cho chủ trương xây dựng Nghị quyết quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn theo trình tự thủ tục rút gọn;

- Ngày 10/6/2022, UBND tỉnh có Văn bản số 3671/UBND-NNTNMT về việc chuẩn bị hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

- Ngày 14/6/2022, Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành Quyết định số 195/QĐ-SNN về việc thành lập Tổ xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình MTQG gia xây dựng NTM tỉnh Bắc Kạn đến năm 2025;

- Ngày 22/6/2022, Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành văn bản số 1256/SNN-KHTC về việc xin ý kiến góp ý của các sở, ngành, địa phương (lần 1); lấy ý kiến góp ý của các đối tượng chịu tác động của Nghị quyết dự kiến ban hành; thực hiện xin ý kiến phản biện xã hội của Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Bắc Kạn; đăng tải hồ sơ đề nghị xây dựng dự thảo nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Bắc Kạn; xin ý kiến Sở Tư pháp thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị quyết theo hướng dẫn;

- Ngày 29/6/2022, Sở Tư pháp có Báo cáo thẩm định số 158/BCTĐ-STP về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2025;

- Ngày 30/6/2022, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Bắc Kạn có Văn bản số 1592/MTTQ-BTT về việc tham gia phản biện đối với dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2025;

- Trên cơ sở nội dung góp ý, phản biện, ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết và trình UBND tỉnh để trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua.

IV. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đóng vai trò quan trọng, góp phần hoàn thiện các thiết chế hạ tầng kinh tế - xã hội cơ bản ở nông thôn, miền núi, tăng cường hỗ trợ phát triển sản xuất, từng bước đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và sản xuất, tạo cơ hội việc làm và ổn định thu nhập cho người dân. Trong giai đoạn 2016-2020 vừa qua, cùng với việc lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, triển khai, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị; các cấp ủy đảng, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh đã triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã đạt nhiều kết quả nhất định. Đến hết năm 2020, trên địa bàn tỉnh có 15 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, 02 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, thành phố Bắc Kạn hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, không còn xã đạt dưới 05 tiêu chí, bình quân tiêu chí cả tỉnh đạt 12,25 tiêu chí/xã (tăng 1,45 tiêu chí so với cuối năm 2018).

Ngày 22/02/2022 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 263/QĐ-TT về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, đã bố trí vốn và cơ chế cụ thể để cho các địa phương tổ chức thực hiện đảm bảo đạt mục tiêu. Tại đầu dòng thứ hai, ý b, tiểu mục 1, mục V có quy định "*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho từng nội dung, công việc cụ thể*" để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Đến nay, Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND ngày 09/12/2018 của HĐND tỉnh Bắc Kạn quy định mức hỗ trợ xây dựng công trình hạ tầng nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2020, Nghị quyết 11/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 về sửa đổi một số nội dung của Nghị quyết 17/2018/NQ-HĐND và Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 05/5/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức chi cho công tác theo dõi, đánh giá bộ chỉ số nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; kiểm tra, đánh giá chất lượng nước tại hộ gia đình vùng nguồn nước bị ô nhiễm trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đã hết hiệu lực vì vậy cần ban hành Nghị quyết mới để tổ chức thực hiện.

Đồng thời để hoàn thành mục tiêu theo Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị quyết số 23-NQ/TU ngày 16/12/2021 của Tỉnh ủy về lãnh đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch và lộ trình của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn: Phần đầu đến năm 2025 cả tỉnh có 2 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới; có trên 47,9% tổng số xã (46/96 xã) đạt chuẩn nông thôn mới (tăng thêm 25 xã), trong đó có trên 15 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (tăng thêm 13 xã), 6 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; bình quân tiêu chí đạt trên 15 tiêu chí/xã; tiếp tục xây dựng nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu đối với các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; thu nhập bình quân của người dân nông thôn tăng ít nhất 1,5 lần so với năm 2020 cần huy động nhiều nguồn lực và có các cơ chế hỗ trợ cho các địa phương để tổ chức thực hiện đảm bảo đạt mục tiêu đề ra.

Do vậy việc ban hành Nghị quyết “Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2025” là cần thiết.

V. NỘI DUNG CHÍNH CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Đối với nguồn vốn đầu tư phát triển

1.1. Cơ chế hỗ trợ đối với các huyện phân đầu đạt chuẩn nông thôn mới

a) Căn cứ xây dựng nội dung hỗ trợ, định mức:

* Về nội dung: Theo quy định tại dấu cộng thứ 2, gạch đầu dòng thứ 2, ý b, tiểu mục 1, mục V, Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025: “*Hỗ trợ một phần từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung: Hoàn thành hạ tầng cấp thiết kết nối xã, huyện; hạ tầng phục vụ cho các hoạt động của cộng đồng; phát triển y tế; công trình xử lý nước thải, thu gom rác thải sinh hoạt, chất thải; nước sạch tập trung; xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề, chương trình OCOP ...*”.

* Về định mức hỗ trợ:

- Định mức hỗ trợ nguồn vốn ngân sách trung ương: Tại dấu cộng thứ 2, gạch đầu dòng thứ 2, ý b, tiểu mục 1, mục V, Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày

22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 quy định: “*Ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa cho một công trình, dự án không quá 70% đối với các huyện miền núi...*”

- Định mức hỗ trợ nguồn vốn đối ứng ngân sách địa phương: Theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 8, Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025: “*Các tỉnh nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương từ 80% trở lên: Hằng năm ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu 5% tổng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho tỉnh*” (Bắc Kạn là tỉnh hàng năm nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương từ 80% trở lên, do đó tỉnh quy định như sau: Hằng năm, ngân sách địa phương cấp tỉnh bố trí đối ứng tối thiểu bằng 5% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình).

b) Nội dung hỗ trợ và định mức, cụ thể: Quy định chi tiết tại phụ lục số 01 kèm theo.

1.2. Cơ chế hỗ trợ đối với các xã thực hiện nông thôn mới

a) Căn cứ xây dựng nội dung hỗ trợ, định mức:

* Về nội dung: Theo quy định tại dấu cộng thứ nhất, gạch đầu dòng thứ 2, ý b, tiểu mục 1, mục V, Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025: “*Hỗ trợ một phần từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung: Hỗ trợ xây dựng và nâng cấp đường giao thông đến trung tâm xã, đường giao thông thôn, xóm, giao thông nội đồng; hệ thống thủy lợi nội đồng; hạ tầng thiết yếu phục vụ phòng chống thiên tai của xã; trường học; trạm y tế xã; phát triển mạng lưới y tế cơ sở; trung tâm thể thao, nhà văn hóa xã, khu thể thao, nhà văn hóa thôn, bản; các công trình cấp nước sinh hoạt; cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường nông thôn; cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở; hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ cho quá trình ứng dụng công nghệ số và chuyên đổi số ở nông thôn; hệ thống lưới điện nông thôn; cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; chợ an toàn thực phẩm cấp xã theo quy định;*”

* Về định mức hỗ trợ: Tại dấu cộng thứ 2, gạch đầu dòng thứ 2, ý b, tiểu mục 1, mục V, Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 quy định: “*Các xã thuộc địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, các huyện nghèo: Kinh phí của Chương trình chỉ hỗ trợ những nội dung không thuộc đối tượng, nội dung hỗ trợ của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững để thực hiện. Các xã còn lại: Căn cứ Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã được*

cấp có thẩm quyền phê duyệt, điều kiện thực tế của các địa phương và nhu cầu hỗ trợ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho từng nội dung, công việc cụ thể”

- Định mức hỗ trợ nguồn vốn ngân sách trung ương: Trên cơ sở kế thừa và thực tế thực hiện các nội dung quy định tại Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND ngày 09/12/2018 và Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi một số nội dung của Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND ngày 09/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ xây dựng công trình hạ tầng nông thôn thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2020.

- Định mức hỗ trợ nguồn vốn đối ứng ngân sách địa phương: Theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 8, Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025: “*Các tỉnh nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương từ 80% trở lên: hằng năm ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu 5% tổng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho tỉnh*”, tương đương 3,5% tổng vốn đầu tư (Bắc Kạn là tỉnh hàng năm nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương từ 80% trở lên, do đó tỉnh quy định như sau: Hằng năm, ngân sách địa phương cấp tỉnh bố trí đối ứng tối thiểu bằng 5% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình).

b) Nội dung hỗ trợ và định mức, cụ thể: Quy định chi tiết tại phụ lục số 02 kèm theo.

- Đường giao thông xã, thôn, liên thôn; đường giao thông nội đồng; hệ thống thủy lợi nội đồng; trung tâm thể thao xã; Công trình thu gom xử lý chất thải; Các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung:

+ Nguồn ngân sách trung ương: Trên cơ sở kế thừa và thực tế thực hiện định mức hỗ trợ theo quy định tại điểm c, khoản 4, Điều 1, Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

+ Nguồn ngân sách địa phương: Theo quy định tại Theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 8, Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ

- Đường giao thông ngõ, xóm; nhà văn hóa thôn; khu thể thao thôn đề xuất tăng tỷ lệ hỗ trợ từ ngân sách nhà nước từ tỷ lệ tối đa 50% (Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND) lên tỷ lệ ngân sách trung ương tối đa 70% và ngân sách cấp tỉnh tối thiểu 3,5%. Lý do: Bắc Kạn là một tỉnh miền núi với diện tích đất rộng, người thưa địa hình chia cắt phức tạp việc huy động đóng góp xây dựng đường ngõ, xóm, nhà văn hóa thôn, sân thể thao thôn từ các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp rất hạn chế và khó vận động; Mức hỗ trợ xây dựng đường ngõ, xóm, nhà văn hóa thôn, sân thể thao thôn đối với các huyện không phải huyện nghèo mức hỗ trợ theo Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND, ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 50%, vốn huy động khác tối thiểu 50% (nhà văn hóa thôn quy mô 50 chỗ ngồi, 80

chỗ ngồi), trên thực tế khả năng đóng góp của người dân thấp; đối với những thôn có số hộ dân đông cần xây dựng nhà văn hóa thôn trên 100 chỗ ngồi rất khó thực hiện vì phải huy động nhân dân đóng góp ở mức độ cao hơn.

- Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, chợ an toàn thực phẩm cấp xã theo quy định: Đề xuất tăng tỷ lệ hỗ trợ từ ngân sách nhà nước từ tỷ lệ tối đa 90% (Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND) lên tỷ lệ ngân sách trung ương tối đa 70% và ngân sách cấp tỉnh tối thiểu 25%. Lý do: Trong thực tế huy động đóng góp từ các nguồn khác rất hạn chế, vẫn chủ yếu là đóng góp của người dân, tuy nhiên khả năng đóng góp của người dân thấp.

- Trường học; trạm y tế: Tỷ lệ ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 95%; nhà văn hóa xã: Tỷ lệ ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 90% (Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND).

- Cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông; hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ cho quá trình ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số ở nông thôn; hệ thống lưới điện nông thôn: Đề xuất tỷ lệ hỗ trợ như sau: Ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa 70% và ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ tối thiểu 25%.

2. Đối với nguồn vốn sự nghiệp

2.1. Căn cứ xây dựng nội dung, mức hỗ trợ

a) Về nội dung: Theo quy định tại ý b, tiểu mục 1, mục V, Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho từng nội dung cụ thể.

b) Về định mức hỗ trợ:

- Định mức hỗ trợ nguồn vốn ngân sách trung ương: Đề xuất định mức hỗ trợ trên cơ sở kế thừa các định mức hỗ trợ và thực tế thực hiện các nội dung hỗ trợ từ nguồn ngân sách sự nghiệp giai đoạn 2016-2020 và các văn bản liên quan do các Bộ, ngành, tỉnh Bắc Kạn ban hành và theo các nội dung quy định của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

- Định mức hỗ trợ nguồn vốn đối ứng ngân sách địa phương: Theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 8, Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025: “*Các tỉnh nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương từ 80% trở lên: hằng năm ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu 5% tổng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho tỉnh*” (Bắc Kạn là tỉnh hàng năm nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương từ 80% trở lên, do đó tỉnh quy định như sau: Hằng năm, ngân sách địa phương cấp tỉnh bố trí đối ứng tối thiểu bằng 5% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình).

2.2. Nội dung hỗ trợ và định mức

a) **Nội dung hỗ trợ và định mức, cụ thể:** Quy định chi tiết tại phụ lục số 03 kèm theo.

b) Thuyết minh nội dung hỗ trợ, định mức:

Nội dung số 01. Xây dựng, hoàn thiện các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung, đảm bảo chất lượng đạt chuẩn theo quy định

*** Mức chi công tác theo dõi, đánh giá bộ chỉ số nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn**

- Áp dụng thực hiện định mức hỗ trợ theo quy định tại Điều 2, Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 05/5/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức chi cho công tác theo dõi, đánh giá bộ chỉ số nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; kiểm tra, đánh giá chất lượng nước tại hộ gia đình vùng nguồn nước bị ô nhiễm trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

*** Mức chi kiểm tra, đánh giá chất lượng nước tại hộ gia đình vùng nguồn nước bị ô nhiễm**

Áp dụng thực hiện định mức hỗ trợ theo quy định tại Điều 3, Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 05/5/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức chi cho công tác theo dõi, đánh giá bộ chỉ số nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; kiểm tra, đánh giá chất lượng nước tại hộ gia đình vùng nguồn nước bị ô nhiễm trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

Nội dung số 02. Phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn

- Các chỉ tiêu: Rà soát, xây dựng phương án tổ chức thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt, lồng ghép trong quy hoạch chung xây dựng xã và triển khai thực hiện các công trình thoát nước, xử lý nước thải sinh hoạt theo phương án đã được xây dựng; Ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến về xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình và cấp thôn phù hợp điều kiện vùng miền; Xây dựng thí điểm mô hình xử lý nước thải sinh hoạt áp dụng công nghệ sinh thái, chi phí thấp, thiết kế đơn giản, dễ xây dựng, sử dụng, vận hành; Xây dựng và nhân rộng các mô hình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn quy mô hộ gia đình và cấp thôn phù hợp với đặc thù của từng địa phương; Áp dụng mức chi: Ngân sách trung ương tối đa 70% (theo quy định tại khoản 2, Điều 11, Dự thảo Thông tư của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Ngân sách địa phương được cân đối từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường hàng năm của tỉnh theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017. Nội dung chi đã được cụ thể tại Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 27/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của UBND tỉnh.

- Tuyên truyền, vận động người dân cải tạo hệ thống thoát nước và áp dụng mô hình xử lý nước thải sinh hoạt phù hợp với điều kiện thực tế, hạn chế nước thải

chưa được xử lý phát sinh ra môi trường. Đây là công tác tuyên truyền được hỗ trợ 100% từ ngân sách nhà nước để thực hiện theo quy định tại ý b, tiểu mục 1, mục V, Quyết định 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Nội dung số 03. Xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, cơ giới hóa đồng bộ, nâng cao năng lực chế biến và bảo quản nông sản theo các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu chuẩn chất lượng và mã vùng nguyên liệu; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp

- Chi hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp: Áp dụng theo quy định tại Điều 21, Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG.

- Hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại (hỗ trợ vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, chế biến, bảo quản): Áp dụng theo tiểu mục 4, mục II, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa; hỗ trợ nâng cao năng lực cho khu vực kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình cơ giới hóa đồng bộ; mô hình chế biến, bảo quản nông sản, mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị trong các vùng nguyên liệu; mô hình hỗ trợ các thiết bị công nghệ cao cho các HTX nông nghiệp; mô hình chuyển đổi số cho các HTX nông nghiệp: Kế thừa điểm a, khoản 4, Điều 8, tiểu mục 1, Mục 3, chương II, Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

- Hỗ trợ phát triển kênh phân phối trên thực tế (hỗ trợ vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh, xây dựng thương hiệu...).

+ Hỗ trợ 50% kinh phí thuê, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị (*giá kê trung bày sản phẩm, bảng hiệu tủ bảo quản sản phẩm, trang trí điểm bán hàng...*) tại các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, siêu thị mini hoặc cửa hàng tiện lợi (viết tắt là cửa hàng) tối đa 50 triệu đồng/cửa hàng, hỗ trợ tối đa mỗi xã một cửa hàng đối với cửa hàng đáp ứng các tiêu chí quy định tại Quyết định số 1214/QĐ-BCT ngày 22/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc hướng dẫn và xét công nhận tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; chủ đầu tư cam kết thực hiện bằng văn bản hoạt động thiểu 3 năm (theo tiểu mục 9, mục II, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa; hỗ trợ nâng cao năng lực cho khu vực kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn).

+ Hỗ trợ xây dựng thương hiệu: Tối đa không quá 25 triệu đồng/nhãn hiệu: Áp dụng theo định mức tại khoản 8, Điều 10, Quyết định số 45/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Bắc Kạn. Hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu sản phẩm nông nghiệp nông thôn. Đề xuất hỗ trợ từ ngân sách nhà nước 70%, vận động các chủ thể 30%.

Nội dung số 04. Phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn, bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn

*** Phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn:**

- Đào tạo nhân lực theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP:

+ Người làm nghề truyền thống; người làm tại làng nghề, làng nghề truyền thống được hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện đào tạo nghề theo Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ; danh mục định mức hỗ trợ theo các Quyết định của UBND tỉnh Bắc Kạn ban hành danh mục, định mức hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và trình độ dưới ba tháng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (thực hiện Quyết định số 46/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ): Đây là hoạt động đào tạo nghề nên các đối tượng được hưởng 100% kinh phí dạy nghề theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Các nghệ nhân trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn được hỗ trợ 100 % kinh phí đào tạo nghiệp vụ sư phạm nghề nghiệp, kỹ năng dạy học; được thù lao theo quy định khi tham gia đào tạo nghề nghiệp cho lao động nông thôn: Áp dụng định mức chi theo Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

+ Hỗ trợ 100% chi phí lớp học cho các cơ sở ngành nghề nông thôn mở lớp truyền nghề. Đối với đào tạo theo hình thức kèm cặp nghề, truyền nghề của nghệ nhân thợ thủ công quyết toán theo số lượng thực tế: Đây là hoạt động đào tạo nghề nên các đối tượng được hưởng 100% kinh phí dạy nghề theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Các dự án đầu tư cơ sở dạy nghề nông thôn được hưởng các chính sách về đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo quy định: Đây là hoạt động đào tạo nghề nên các đối tượng được hưởng 100% kinh phí dạy nghề theo Quyết định 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Hỗ trợ dự án phát triển ngành nghề nông thôn: Áp dụng theo Điều 12, Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

*** Bảo tồn và phát huy các làng nghề ở nông thôn**

- Rà soát các làng nghề: Điều tra, rà soát, thống kê, đánh giá, phân loại danh mục các làng nghề: Áp dụng theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

- Hỗ trợ xét công nhận làng nghề bao gồm thẩm định hồ sơ và kiểm tra cơ sở: Tối đa không quá 15 triệu đồng/lần xét: Đề xuất mức chi tối đa không quá 15 triệu đồng/lần xét (Hội đồng thẩm định, công tác phí, xăng xe...).

Nội dung số 05: Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất trong đó, ưu tiên hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao liên kết theo chuỗi giá trị

- Hỗ trợ nâng cao năng lực đối với các thành viên, người lao động đang làm công tác quản lý, chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ của các tổ chức kinh tế tập thể (thành viên, người lao động kinh tế tập thể):

+ Hỗ trợ kinh phí đào tạo đối với thành viên, người lao động của các tổ chức kinh tế tập thể: 100% kinh phí trả học phí, tài liệu học tập theo quy định của cơ sở Đào tạo; hỗ trợ kinh phí ăn ở cho học viên bằng 1,5 % mức lương tối thiểu vùng

+ Hỗ trợ bồi dưỡng đối với thành viên, người lao động của các tổ chức kinh tế tập thể: 100% kinh phí đi lại, tổ chức lớp học và mua tài liệu học tập; hỗ trợ 100% chi phí ăn ở đối với các tổ chức kinh tế tập thể nằm trong vùng đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật hiện hành (bao gồm: các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư Chương trình phát triển kinh tế - xã hội, các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi); đối với các vùng khác: Hỗ trợ 90% đối với các tổ chức kinh tế tập thể hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, 80% đối với các tổ chức kinh tế tập thể khác.

- Hỗ trợ đưa lao động trở về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể: hỗ trợ hàng tháng bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng/người/tháng; tối đa 03 năm/người, tối đa 01 người/tổ chức kinh tế tập thể:

Áp dụng tại điểm d, tiểu mục 2, mục III Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1804/QĐ/TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 và Thông tư số 124/2021/TT-BTC ngày 30/12/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính, quản lý, sử dụng kinh phí Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1804/QĐ/TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ (áp dụng nội dung hỗ trợ và định mức cụ thể để sử dụng nguồn vốn sự nghiệp Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 hỗ trợ hoạt động nâng cao hiệu quả của các hình thức tổ chức sản xuất trong đó, ưu tiên hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao liên kết theo chuỗi giá trị).

Nội dung số 06. Chi thù lao cộng tác viên tại xã tham gia các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản , cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em và các hoạt động y tế khác.

Chi thù lao cộng tác viên tại xã tham gia các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản, cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em và các hoạt động y tế khác.

* Mức hỗ trợ chi thù lao cộng tác viên tại xã, cụ thể:

a) Đối tượng (nhân viên y tế thôn bản hoặc đối tượng khác) và số lượng cộng tác viên của từng xã do Thủ trưởng cơ quan y tế tại địa phương quyết định.

b) Mức hỗ trợ cộng tác viên như sau:

- Đối với xã phân loại vùng III: 0,3 lần mức lương cơ sở/người/tháng
- Đối với các xã phân loại vùng I và vùng II: 0,2 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

Nội dung số 07. Kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã và thôn

Hỗ trợ kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã, thôn:

- Đối với nội dung chi cho Ban Tổ chức giải làm nhiệm vụ: Theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 1, Nghị quyết số 12/12018/NQ-HĐND ngày 17/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với giải thi đấu thể thao của tỉnh Bắc Kạn.

- Đối với nội dung chi giải thưởng: Theo quy định tại khoản 7, Điều 3, Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu toàn quốc, giải thi đấu thể thao khu vực và giải thi đấu thể thao theo các cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

- Các nội dung chi trực tiếp phục vụ tổ chức giải thể thao khác: Chi theo thực tế và áp dụng giá cả thị trường.

Kinh phí Trung ương 93%; Kinh phí địa phương tối thiểu 5%; Xã hội hóa và nguồn khác 2% (vận động từ cá nhân, tổ chức...).

Nội dung số 08. Xây dựng và tổ chức hướng dẫn thực hiện các Đề án/ Kế hoạch tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo theo quy định; phát triển, nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh.

Hỗ trợ phân loại tại nguồn (hỗ trợ kỹ thuật, trang thiết bị, chế phẩm sinh học để thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại hộ gia đình), thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải; Hỗ trợ nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh và xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện mô hình phân loại rác tại nguồn.

Áp dụng mức chi: Ngân sách trung ương tối đa 70%; ngân sách địa phương được cân đối từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường hàng năm của tỉnh theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017. Nội dung chi đã được cụ thể tại Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 27/7/2018 của HĐND tỉnh và Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của UBND tỉnh.

Nội dung số 09. Đẩy mạnh xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải, những nơi gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm; sử dụng hiệu quả và tiết kiệm các nguồn tài nguyên

Áp dụng mức chi: Ngân sách trung ương tối đa 70%; ngân sách địa phương được cân đối từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường hàng năm của tỉnh theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017. Nội dung chi đã

được cụ thể tại Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 27/7/2018 của HĐND tỉnh và Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của UBND tỉnh.

VI. DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Hỗ trợ xây dựng công trình hạ tầng nông thôn

Tổng kinh phí dự kiến hỗ trợ: 414.009 triệu đồng. Cụ thể:

Vốn đầu tư phát triển Ngân sách trung ương hỗ trợ dự kiến giai đoạn 2021-2025 hỗ trợ 394.270 triệu đồng.

Ngân sách địa phương cấp tỉnh (tối thiểu 5% tổng vốn ngân sách trung ương) hỗ trợ 19.739 triệu đồng.

2. Hỗ trợ đối với nguồn vốn sự nghiệp

Nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách trung ương năm 2022 là 24.000 triệu đồng.

VII. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Thời gian dự kiến trình HĐND tỉnh về việc ban hành Nghị quyết tại kỳ họp thường lệ tháng 7 năm 2022.

Trên đây là Báo cáo thuyết minh hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2025 của Sở Nông nghiệp và PTNT./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- UBND tỉnh (b/c);
- GD, các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hà Kim Oanh

**PHỤ LỤC SỐ 01:
QUY ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ CÁC HUYỆN
THỰC HIỆN NÔNG THÔN MỚI**

*(Kèm theo Báo cáo số 253 /BC-SNN ngày 30/6/2022 của Sở Nông nghiệp và
Phát triển nông thôn)*

TT	Nội dung hỗ trợ	Ngân sách nhà nước (%)			Vận động, huy động nguồn lực khác tối đa (%)
		Tổng số (hỗ trợ tối thiểu)	Trong đó:		
			Ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa	Ngân sách địa phương hỗ trợ tối thiểu	
1	Hệ thống đường huyện	73,5	70	3,5	26,5
2	Bến xe khách (nếu có theo quy hoạch)	73,5	70	3,5	26,5
3	Trung tâm y tế	73,5	70	3,5	26,5
4	Trường Trung học phổ thông	73,5	70	3,5	26,5
5	Trung tâm văn hóa thể thao	73,5	70	3,5	26,5
6	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp thường xuyên	73,5	70	3,5	26,5
7	Chợ trung tâm	73,5	70	3,5	26,5
8	Công trình thu gom xử lý chất thải; công trình nước sạch tập trung	73,5	70	3,5	26,5
9	Hạ tầng giới thiệu sản phẩm OCOP	73,5	70	3,5	26,5

PHỤ LỤC SỐ 02:
QUY ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG CÁC XÃ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI ĐẾN NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 253 /BC-SNN ngày 30/6/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Nội dung hỗ trợ	Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND)		Ngân sách nhà nước (%)			Vận động, huy động nguồn lực khác tối đa (%)
		Vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa (%)	Vốn huy động khác, tối thiểu (%)	Tổng số (hỗ trợ tối thiểu)	Trong đó:		
					Ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa	Ngân sách địa phương hỗ trợ tối thiểu	
1	Đường giao thông xã, thôn, liên thôn	70	30	73,5	70	3,5	26,5
2	Đường giao thông ngõ, xóm	50	50	73,5	70	3,5	26,5
3	Đường giao thông nội đồng	70	30	73,5	70	3,5	26,5
4	Hệ thống thuỷ lợi nội đồng	70	30	73,5	70	3,5	26,5
5	Trường học	95	5	95	70	25	5
6	Trạm y tế	95	5	95	70	25	5
7	Nhà Văn hoá xã	90	10	90	70	20	10
8	Trung tâm thể thao xã	70	30	73,5	70	3,5	26,5
9	Nhà Văn hoá thôn	50	50	73,5	70	3,5	26,5
10	Khu thể thao thôn	50	50	73,5	70	3,5	26,5

TT	Nội dung hỗ trợ	Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND)		Ngân sách nhà nước (%)			Vận động, huy động nguồn lực khác tối đa (%)
		Vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa (%)	Vốn huy động khác, tối thiểu (%)	Tổng số (hỗ trợ tối thiểu)	Trong đó:		
					Ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa	Ngân sách địa phương hỗ trợ tối thiểu	
11	Công trình thu gom xử lý chất thải; Các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung	70	30	73,5	70	3,5	26,5
12	Cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở			95	70	25	5
13	Hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ cho quá trình ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số ở nông thôn.			95	70	25	5
14	Hệ thống lưới điện nông thôn			95	70	25	5
15	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, chợ an toàn thực phẩm cấp xã theo quy định	90	10	95	70	25	5

PHỤ LỤC SỐ 03:
QUY ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
ĐẾN NĂM 2025

*(Kèm theo Báo cáo số 253 /BC-SNN ngày 30/6/2022 của Sở Nông nghiệp và
Phát triển nông thôn)*

TT	Nội dung hỗ trợ	Ngân sách nhà nước (%)			Vận động, huy động nguồn lực khác tối đa (%)
		Tổng số (hỗ trợ tối thiểu)	Trong đó		
			Ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa	Ngân sách địa phương hỗ trợ tối thiểu	
1	Xây dựng, hoàn thiện các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung, đảm bảo chất lượng đạt chuẩn theo quy định				
1.1	Công tác theo dõi, đánh giá bộ chỉ số nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	100	95,2	4,8	
-	Chi tổ chức tập huấn phương pháp thu thập, cập nhật, tổng hợp thông tin bộ chỉ số: Mức chi theo Nghị quyết số 39/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức hội, đơn vị lực lượng vũ trang có sử dụng ngân sách tỉnh Bắc Kạn.	100	95,2	4,8	
-	Chi in ấn, phô tô bản biểu thu thập thông tin: Mức chi theo thực tế tại thời điểm thu thập, trên cơ sở hóa đơn, chứng từ hợp pháp trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	100	95,2	4,8	
-	Chi hỗ trợ thu thập, cập nhật thông tin: 50.000 đồng/phiếu (tối thiểu 15 hộ/phiếu).	100	95,2	4,8	
-	Chi hỗ trợ cập nhật thông tin, tổng hợp của cấp xã: 100.000 đồng/người/công (10 thôn/công, tối đa không quá 03 công).	100	95,2	4,8	
-	Chi cho công tác kiểm tra, đánh giá	100	95,2	4,8	
1.2	Kiểm tra, đánh giá chất lượng nước tại hộ gia đình vùng nước bị ô nhiễm: Áp dụng mức chi tối đa theo Phụ lục giá tối đa dịch	100	95,2	4,8	

TT	Nội dung hỗ trợ	Ngân sách nhà nước (%)			Vận động, huy động nguồn lực khác tối đa (%)
		Tổng số (hỗ trợ tối thiểu)	Trong đó		
			Ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa	Ngân sách địa phương hỗ trợ tối thiểu	
	vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng quy định tại Chương II, Phần A (Xét nghiệm mẫu nước ăn uống và sinh hoạt, nước thải và khí thải) ban hành kèm theo Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính về Quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập.				
2	Phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn (Nội dung chi cụ thể tại Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 27/7/2018 và Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)				
2.1	Rà soát, xây dựng phương án tổ chức thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt, lồng ghép trong quy hoạch chung xây dựng xã và triển khai thực hiện các công trình thoát nước, xử lý nước thải sinh hoạt theo phương án đã được xây dựng.	73,5	70	3,5	26,5
2.2	Ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến về xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình và cấp thôn phù hợp điều kiện vùng miền	73,5	70	3,5	26,5
2.3	Xây dựng thí điểm mô hình xử lý nước thải sinh hoạt áp dụng công nghệ sinh thái, chi phí thấp, thiết kế đơn giản, dễ xây dựng, sử dụng, vận hành	73,5	70	3,5	26,5
2.4	Xây dựng và nhân rộng các mô hình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn quy mô hộ gia đình và cấp thôn phù hợp với đặc thù của từng địa phương	73,5	70	3,5	26,5
2.5	Tuyên truyền, vận động người dân cải tạo hệ thống thoát nước và áp dụng mô hình xử lý nước thải sinh hoạt phù hợp với điều kiện thực tế, hạn chế nước thải chưa được xử lý phát sinh ra môi trường	100	95,2	4,8	

TT	Nội dung hỗ trợ	Ngân sách nhà nước (%)			Vận động, huy động nguồn lực khác tối đa (%)
		Tổng số (hỗ trợ tối thiểu)	Trong đó		
			Ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa	Ngân sách địa phương hỗ trợ tối thiểu	
3	Xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, cơ giới hóa đồng bộ, nâng cao năng lực chế biến và bảo quản nông sản theo các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu chuẩn chất lượng và mã vùng nguyên liệu; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp.				
3.1	Chi hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp:				
-	Chi hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp: Mức hỗ trợ chi phí thực hiện một (1) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn xã khó khăn (Điều kiện, phương thức hỗ trợ, nội dung, mức hỗ trợ cụ thể theo quy định tại Điều 21, Nghị định 27/2022/NĐ-CP)	70	66,7	3,3	30
-	Chi hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp: Mức hỗ trợ chi phí thực hiện một (1) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn xã không phải khó khăn, (Điều kiện, phương thức hỗ trợ, nội dung, mức hỗ trợ cụ thể theo quy định tại Điều 21, Nghị định 27/2022/NĐ-CP)	50	47,5	2,5	50
3.2	Hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại : hỗ trợ vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, chế biến, bảo quản (Nội dung chi cụ thể tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)	50	47,5	2,5	50
3.3	Xây dựng và nhân rộng các mô hình cơ giới hóa đồng bộ; mô hình chế biến, bảo quản nông sản, mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị trong các vùng nguyên liệu; mô hình hỗ trợ các thiết bị công nghệ cao	50	47,5	2,5	50

TT	Nội dung hỗ trợ	Ngân sách nhà nước (%)			Vận động, huy động nguồn lực khác tối đa (%)
		Tổng số (hỗ trợ tối thiểu)	Trong đó		
			Ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa	Ngân sách địa phương hỗ trợ tối thiểu	
	cho các HTX nông nghiệp; mô hình chuyển đổi số cho các HTX nông nghiệp.				
3.4	Hỗ trợ phát triển kênh phân phối trên thực tế (hỗ trợ vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh, xây dựng thương hiệu...).				
-	<i>Hỗ trợ vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh: Thuê, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị (giá kê trung bày sản phẩm, bảng hiệu tủ bảo quản sản phẩm, trang trí điểm bán hàng...) tại các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, siêu thị mini hoặc cửa hàng tiện lợi (viết tắt là cửa hàng) tối đa 50 triệu đồng/cửa hàng, hỗ trợ tối đa mỗi xã một cửa hàng đối với cửa hàng đáp ứng các tiêu chí quy định tại Quyết định số 1214/QĐ-BCT ngày 22/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc hướng dẫn và xét công nhận tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025, chủ đầu tư cam kết thực hiện bằng văn bản hoạt động thiểu 3 năm</i>	50	47,5	2,5	50
-	<i>Hỗ trợ xây dựng thương hiệu: Tối đa không quá 25 triệu đồng/nhãn hiệu</i>	70	66,7	3,3	30
4	Phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn, bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn				
4.1	Phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn				
-	Đào tạo nhân lực theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP. Nội dung chi và mức chi theo Tiêu mục 7, Thông tư số.../TT-BTC ngày /6/2022 của Bộ Tài chính	100	95,2	4,8	

TT	Nội dung hỗ trợ	Ngân sách nhà nước (%)			Vận động, huy động nguồn lực khác tối đa (%)
		Tổng số (hỗ trợ tối thiểu)	Trong đó		
			Ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa	Ngân sách địa phương hỗ trợ tối thiểu	
-	Hỗ trợ dự án phát triển ngành nghề nông thôn: Nội dung và mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 12 Nghị định 52/2018/NĐ-CP (tối đa 500 triệu/dự án)	50	47,5	2,5	50
4.2	Bảo tồn và phát huy các làng nghề ở nông thôn				
-	<i>Rà soát các làng nghề: Điều tra, rà soát, thống kê, đánh giá, phân loại danh mục các làng nghề</i>	100	95,2	4,8	
-	Hỗ trợ xét công nhận làng nghề bao gồm thẩm định hồ sơ và kiểm tra cơ sở: Tối đa không quá 15 triệu đồng/lần xét.	100	95,2	4,8	
5	Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất trong đó, ưu tiên hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao liên kết theo chuỗi giá trị				
5.1	<i>Hỗ trợ nâng cao năng lực đối với các thành viên, người lao động đang làm công tác quản lý, chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ của các tổ chức kinh tế tập thể (thành viên, người lao động kinh tế tập thể)</i>				
-	<i>Hỗ trợ kinh phí đào tạo đối với thành viên, người lao động của các tổ chức kinh tế tập thể: 100% kinh phí trả học phí, tài liệu học tập theo quy định của cơ sở Đào tạo; hỗ trợ kinh phí ăn ở cho học viên bằng 1,5 % mức lương tối thiểu vùng</i>	100	95,2	4,8	
-	<i>Hỗ trợ bồi dưỡng đối với thành viên, người lao động của các tổ chức kinh tế tập thể: 100% kinh phí đi lại, tổ chức lớp học và mua tài liệu học tập; hỗ trợ 100% chi phí ăn ở đối với các tổ chức kinh tế tập thể nằm trong vùng đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật hiện hành (bao gồm: các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư Chương trình phát triển kinh tế - xã hội, các xã đặc biệt khó khăn vùng</i>	100	95,2	4,8	

TT	Nội dung hỗ trợ	Ngân sách nhà nước (%)			Vận động, huy động nguồn lực khác tối đa (%)
		Tổng số (hỗ trợ tối thiểu)	Trong đó		
			Ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa	Ngân sách địa phương hỗ trợ tối thiểu	
	đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi); đối với các vùng khác: Hỗ trợ 90% đối với các tổ chức kinh tế tập thể hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, 80% đối với các tổ chức kinh tế tập thể khác.				
5.2	<i>Hỗ trợ đưa lao động trở về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể: hỗ trợ hàng tháng bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng/người/tháng; tối đa 03 năm/người, tối đa 01 người/tổ chức kinh tế tập thể</i>	100	95,2	4,8	
6	Chi thù lao cộng tác viên tại xã tham gia các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản, cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em và các hoạt động y tế khác				
6.1	<i>Cộng tác viên với xã phân loại vùng III: 0,3 lần mức lương cơ sở/người/tháng</i>	100	95,2	4,8	
6.2	<i>Cộng tác viên các xã phân loại vùng I và vùng II: 0,2 lần mức lương cơ sở/người/tháng</i>	100	95,2	4,8	
7	Kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã và thôn				
7.1	<i>Hỗ trợ kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã: 50 triệu đồng/giải</i>	98	93,3	4,7	2
7.2	<i>Hỗ trợ kinh phí tổ chức giải thể thao cấp thôn: 30 triệu đồng</i>	98	93,3	4,7	2
8	Xây dựng và tổ chức hướng dẫn thực hiện các Đề án/ Kế hoạch tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo theo quy định; phát triển, nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh.(Nội dung chi đã được cụ thể tại Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 27/7/2018 và Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 28/9/2018)				
8.1	<i>Hỗ trợ phân loại tại nguồn (hỗ trợ kỹ thuật, trang thiết bị, chế phẩm sinh học để thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại hộ gia đình), thu gom, vận chuyển, xử lý chất</i>	73,5	70	3,5	26,5

TT	Nội dung hỗ trợ	Ngân sách nhà nước (%)			Vận động, huy động nguồn lực khác tối đa (%)
		Tổng số (hỗ trợ tối thiểu)	Trong đó		
			Ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa	Ngân sách địa phương hỗ trợ tối thiểu	
	<i>thải</i>				
8.2	<i>Hỗ trợ nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh và xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện mô hình phân loại rác tại nguồn</i>	73,5	70	3,5	26,5
9	Đẩy mạnh xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải, những nơi gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm; sử dụng hiệu quả và tiết kiệm các nguồn tài nguyên. (Nội dung chi đã được cụ thể tại Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 27/7/2018 và Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 28/9/2018)	73,5	70	3,5	26,5